

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện KCH kênh mương năm 2014
và kế hoạch đầu tư năm 2015

Thực hiện Công văn số 3073/SNN&PTNT ngày 31/12/2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi về việc báo cáo kết quả thực hiện KCH kênh mương năm 2014 và kế hoạch đầu tư năm 2015; UBND huyện Sơn Tây tổng hợp, báo cáo như sau:

1. Kết quả thực hiện KCH năm 2014:

- Tổng số công trình đầu tư: 01 công trình.
- Kinh phí thực hiện: 537,1 triệu đồng

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

2. Kế hoạch đầu tư năm 2015:

- Tổng số công trình đề nghị đầu tư: 05 công trình.
- Kinh phí thực hiện ước tính: 4.000 triệu đồng

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

3. Vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện và đề xuất:

3.1. Vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

+ Công trình đầu tư nằm trên địa hình phức tạp, tuyến kênh tưới dài nên kinh phí đầu tư xây dựng lớn.

+ Nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân vùng hưởng lợi của công trình chưa thực hiện được.

3.2. Đề xuất, kiến nghị.

+ Bố trí vốn và đầu tư xây dựng các công trình theo kế hoạch nêu trên.

+ Huyện Sơn Tây là huyện miền núi đặc biệt khó khăn, đời sống nhân dân còn nghèo, đề nghị cắt giảm chi phí đóng góp xây dựng công trình của nhân dân.

UBND huyện Sơn Tây báo cáo kết quả thực hiện KCH kênh mương năm 2014 và kế hoạch đầu tư năm 2015 để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT Quảng Ngãi;
- CT, PCT UBND huyện;
- CPVP, TH;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tô Cước

Biểu mẫu:

PHỤ LỤC 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN CỐ HÓA KÉNHC MƯƠNG THỦY LỢI NĂM 2014

(Kèm theo Báo cáo số: 08 /BC-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2015 của UBND huyện Sơn Tây)

TT	NỘI DUNG/ TUYÊN KÉNHC KCH	Địa điểm xây dựng (xã)	Thời gian khởi công, hoàn thành	Chiều dài kiến cố hoá (m)	Kích thước kênh h*h*m (m)	Diện tích (ha)		Khối lượng chủ yếu			Tổng vốn đầu tư (Tr.đồng)	Vốn đã bỏ trí (triệu đồng)		Vốn tiếp tục bỏ trí (triệu đồng)		Kết quả giải ngân (triệu)		Ghi chú	
						F thực tế	F sau KCH	Đất đào, đắp (m ³)	Đá xây, lát (m ³)	Cốt thép (tấn)		Bê tông các loại (m ³)	Ngân sách Tw, tỉnh, CT (Dự án) (Tr. đồng)	Ngân sách huyện và vốn đóng góp khác (Tr.đồng)	Ngân sách Tw, tỉnh, CT (Dự án) (Tr. đồng)	Ngân sách huyện và vốn đóng góp khác (Tr.đồng)	Ngân sách Tw, tỉnh, CT (Dự án) (Tr. đồng)		Ngân sách huyện và vốn đóng góp khác (Tr.đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG:			400	-	5,5	5,5	368	-	0,7	30,5	537,1	-	459	-	78,1	-	459	
*	KCH kênh trong đề án																		
*	KCH kênh ngoài đề án			400		5,5	5,5	368	-	0,7	30,5	537,1	-	459	-	78,1	-	459	
	KCH kênh Đák Lã, thôn Gò Lã	Sơn Dung	2014	400	Ông trưởng kênh D110	100,150				0,7	30,5	537,1		459		78,1		459	

Biểu mẫu:

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG THỦY LỢI NĂM 2015

(Kèm theo Báo cáo số: **02** /BC-UBND ngày **04** tháng **01** năm **2015** của UBND huyện Sơn Tây)

TT	NỘI DUNG/TUYẾN KÊNH KCH	Địa điểm xây dựng (xã)	Thời gian khởi công, hoàn thành	Chiều dài kênh có hoá (m)	Kích thước kênh b*h*m (m)	Diện tích (ha)		Khối lượng chủ yếu				Tổng vốn đầu tư (Tr.đồng)	Vốn đã bỏ tri (triệu đồng)		Vốn tiếp tục bỏ tri (triệu đồng)		Ghi chú
						F thực tế	F sau KCH	Đất đào, đắp (m3)	Đá xây, lát (m3)	Cốt thép (tấn)	Bê tông các loại (m3)		Ngân sách tỉnh, CT (dự án) (Tr.đồng)	Ngân sách huyện và vốn đóng góp khác (Tr.đồng)	Ngân sách tỉnh, CT (dự án) (Tr.đồng)	Ngân sách huyện và vốn đóng góp khác (Tr.đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG:			2.600		12	20	2.072	-	24	676	4.000	-	-	4.000	-	-
*	KCH KÊNH TRONG DỀ ÁN																
1	Đập Thủy Lợi Ra Cóp	Sơn Mậu	2015	600	0,6*0,5*0,5	2	2	5	0	3	96	1.000	-	-	-	-	-
2	KCH KM Bẫy Trâu, thôn Huy Mãng	Sơn Dung	2015	600	0,6*0,5*0,5	2	2	3	0	6	174	600	-	-	600	-	-
3	KCH KM Nước Quê, thôn Tà Bè	Sơn Bua	2015	700	0,6*0,5*0,5	3	3	4	0	7	203	800	-	-	800	-	-
4	KCH KM Tà Kín, thôn Tà Kín	Sơn Tinh	2015	300	0,6*0,5*0,5	2	5	210	0	3	87	1.000	-	-	1.000	-	-
5	KCHKM Đập Tà Vay, TD 20(KCH KM Đông A Xăng)	Sơn Long	2015	400	0,6*0,5*0,5	3	3	280	0	4	116	600	-	-	600	-	-